

Số: 35 /TM-TMC

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 01 năm 2022

V/v: Thư mời chào giá cung cấp hóa chất,
dụng cụ phân tích

Kính gửi: Quý Khách hàng

Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico có nhu cầu mua hóa chất, dụng cụ phân tích 6 tháng đầu năm 2022 tại Công ty.

Công ty kính mời các nhà cung cấp có chức năng và có khả năng cung cấp vật tư hàng hóa tham gia chào giá cung cấp vật tư hàng hóa theo quy cách, số lượng, thời gian cung cấp và các điều kiện cụ thể như sau:

I. Yêu cầu về hàng hóa

1. Thông tin về hàng hóa:

- Tên Đơn hàng: Hóa chất, dụng cụ phân tích 6 tháng đầu năm 2022 tại Công ty Chi tiết như Phụ lục kèm theo Thư mời.

2. Nội dung Hồ sơ chào giá:

a) Yêu cầu về tư cách, kinh nghiệm và năng lực của Nhà cung cấp:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao công chứng).

- Hồ sơ chứng minh năng lực tài chính của doanh nghiệp tham gia chào giá: Vốn điều lệ/doanh thu 9 tháng năm 2021 tối thiểu đạt Năm trăm triệu đồng.

b) Các yêu cầu về thương mại:

- Hiệu lực của bản chào giá: 10 ngày kể từ ngày báo giá.

- Tiến độ giao hàng: Thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng.

- Địa điểm giao hàng: Tại kho bên mua trên phương tiện bên bán (Nhà máy Kẽm điện phân Thái Nguyên, địa chỉ: Khu công nghiệp Sông Công, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên; Phân xưởng Luyện kim màu II, địa chỉ: Phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Xí nghiệp Thiếc Đại Từ, địa chỉ: Tổ dân phố Hợp Thành, thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên).

- Phương thức thanh toán:

+ Thanh toán bằng đồng Việt Nam theo hình thức chuyển khoản.

+ Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên sẽ thanh toán cho bên cung cấp trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận được đủ hàng, hóa đơn tài chính hợp lệ, và các chứng từ thanh toán đi kèm.

Chứng từ thanh toán bao gồm: Hóa đơn GTGT, Biên bản giao nhận hàng hóa, các chứng từ khác do bên B cung cấp.

c) Hàng hóa:

- Nhà cung cấp chào giá cho toàn bộ hàng hoá thuộc phạm vi cung cấp.

- Hàng hóa được chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ và nguồn gốc hợp pháp.

d) Phương thức chào giá:

Giá chào là giá do khách hàng tham gia chào giá ghi trong Bản chào giá, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện đơn hàng tại địa điểm giao hàng (Nhà máy Kẽm



điện phân Thái Nguyên, địa chỉ: Khu công nghiệp Sông Công, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên; Phân xưởng Luyện kim màu II, địa chỉ: Phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Xí nghiệp Thiếc Đại Từ, địa chỉ: Tổ dân phố Hợp Thành, thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên), bao gồm cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp khách hàng chào giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Bản chào giá của khách hàng sẽ bị loại.

II. Hình thức tham gia và thời gian chào giá

1. Hình thức chào giá:

- Bản chào giá và Biểu giá chào hàng phải do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của nhà cung cấp kèm theo giấy uỷ quyền, quyết định giao nhiệm vụ hoặc văn bản tương đương.

- Hồ sơ chào giá được gửi trong phong bì dán kín, có niêm phong và gửi trực tiếp về địa chỉ như sau:

Văn phòng Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico, địa chỉ: Tổ 3, phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; số điện thoại: 0208.3847229.

Bên ngoài bì thư ghi rõ “*Hồ sơ chào giá theo Thư mời số /TM-TMC ngày 04/01/2022*”.

2. Thời gian và địa điểm phát Thư mời chào giá:

Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico phát trực tiếp hoặc gửi email, chuyển phát nhanh cho khách hàng Thư mời chào giá trong thời gian từ 08h00’ ngày 04/01/2022 đến 16h00’ ngày 07/01/2022 (trong giờ hành chính, trừ ngày nghỉ). Mỗi khách hàng chỉ nhận được 01 (một) Thư mời chào giá.

Khi đến trực tiếp nhận hồ sơ tại địa điểm phát hồ sơ theo quy định, đại diện khách hàng phải xuất trình Giấy giới thiệu còn hiệu lực do khách hàng phát hành.

Địa điểm phát Thư mời chào giá: Phòng Kế hoạch Kinh tế Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico, tổ 3, phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

3. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: Hồ sơ chào giá phải được gửi đến Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico trước 15h30 ngày 08 tháng 01 năm 2022.

4. Mở hồ sơ chào giá:

- Các Hồ sơ chào giá sẽ được mở đồng thời một cách công khai tại Văn phòng Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico, địa chỉ: Tổ 3, phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên vào hồi 16h00’ ngày 08 tháng 01 năm 2022.

- Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico mời các NCC đã nộp HSCG chứng kiến và xác nhận việc mở các HSCG, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở HSCG vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong TMCG mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của các NCC này.

Việc xem xét, đánh giá HSCG của các khách hàng tham gia chào giá thuộc thẩm quyền của Hội đồng giá Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico, phù hợp với các tiêu chí đã được nêu tại Thư mời chào giá và các quy định hiện hành của Công ty.

- Các thông tin về nội dung chủ yếu của Hồ sơ chào giá của các nhà cung cấp bao gồm tối thiểu các nội dung: Tình trạng niêm phong, tên nhà cung cấp, thông tin về

hàng hóa, giá chào, thời gian giao hàng, hiệu lực của bản chào giá... sẽ được lập thành một biên bản chung có xác nhận của các bên tham gia buổi mở HSCG để làm cơ sở đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp.

5. Địa chỉ thông báo và niêm yết thông tin mời chào giá:

Thông tin mời chào giá hàng hóa được thông báo trang mạng điện tử Công ty: <http://kimloaimau.com.vn>, đồng thời được niêm yết tại trụ sở Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico từ 08h00' ngày 04/01/2022 đến hết ngày 08/01/2022.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác.

Nơi nhận:

- Khách hàng tham gia chào giá;
- Hội đồng giá;
- Đăng Website C.ty;
- Lưu VP, KHKT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Bùi Huy Tuấn

10
NG
PH
OẠ
NG
MIC
EN T

PHỤ LỤC

Kèm theo Thư mời số 35 /TM-TMC ngày 04 tháng 01 năm 2022

STT	Mục lục	Quy cách KT	ĐVT	KH	Tiến độ cung cấp
A	BỘ PHẬN KCS CÔNG TY				
I	Chi phí hóa chất phân tích				
	Chi phí hóa chất phân tích thường xuyên				
1	Axit clohydric (HCl)	AR - Việt Nam	Lít	225,0	
2	Axit nitric (HNO ₃)	AR - Việt Nam	Lít	70,0	
3	Axit sunfuaric (H ₂ SO ₄)	AR - Việt Nam	Lít	70,0	
4	Oxy già (H ₂ O ₂)	AR - Việt Nam	Lit	15,0	
5	Axit sunfosalisilic (C ₇ H ₆ O ₆ S.2H ₂ O)	AR - Trung Quốc	Kg	0,4	
6	Axit axetic (CH ₃ COOH)	AR - Việt Nam	Lít	7,0	
7	Axit Hydrofloric (HF)	AR - Trung Quốc	Lít	0,5	
8	Axit photphoric (H ₃ PO ₄)	AR - Trung Quốc (chai thủy tinh trắng)	Lit	6,0	
9	Ống chuẩn H ₂ SO ₄ 0,1N	AR - Việt Nam	Ống	2,0	
10	Amonihydroxit (NH ₄ OH)	AR - Việt Nam	Lit	80,0	
11	Natri hydroxit (NaOH)	AR - Trung Quốc	kg	5,0	
12	Cloruamon (NH ₄ Cl)	AR - Việt Nam	kg	70,0	
13	Sắt III nitorat (Fe(NO ₃) ₃)	AR - Việt Nam	kg	0,5	
14	Amoni axetat (CH ₃ COONH ₄)	AR - Việt Nam	kg	60,0	
15	Amon Florua (NH ₄ F)	AR - Trung Quốc	kg	5,0	
16	Bạc nitorat (AgNO ₃) - Lọ 100g	AR - Trung Quốc	g	300,0	
17	Natrinitorat (NaNO ₃)	AR - Trung Quốc	kg	1,0	
18	Ure ((NH ₂) ₂ CO)	AR - Trung Quốc	kg	2,0	
19	Muối Morh ((NH ₄) ₂ Fe(SO ₄) ₂ .6H ₂ O))	AR - Trung Quốc	Kg	1,0	
20	EDTA (C ₁₀ H ₁₄ N ₂ O ₈ Na ₂ .2H ₂ O) - TQ	AR - Trung Quốc	kg	10,5	
21	Natrithiosunfat (Na ₂ S ₂ O ₃ .5H ₂ O)	AR - Việt Nam	kg	12,5	
22	Amonipersunphat ((NH ₄) ₂ S ₂ O ₈)	AR - Trung Quốc	Kg	5,0	
23	Chỉ thị xylenol da cam XO (C ₃₁ H ₂₈ N ₂ Na ₄ O ₁₃ S)	AR - Trung Quốc	g	60,0	
24	Điphenylamin sulphonic axit sodium sat (C ₁₂ H ₁₀ NNaNO ₃ S)	AR - Trung Quốc	g	25,0	
25	Cồn (C ₂ H ₅ OH)	AR - Việt Nam	Lit	20,0	
26	Mẫu chuẩn MnO ₂ (MnO ₂ = 60,13 %)	AR - Trung Quốc	g	50,0	
27	Khí axetylen (C ₂ H ₂)	AR - Việt Nam	kg	80,0	
28	DD tiêu chuẩn Ag 1g/l	AR - Đức - 1 lọ 100 ml	ml	100,0	
29	DD tiêu chuẩn Cd 1g/l	AR - Đức - 1 lọ 100 ml	ml	100,0	
30	DD tiêu chuẩn Co 1g/l	AR - Đức - 100ml/lọ	ml	100,0	
31	DD tiêu chuẩn Cu 1g/l	AR - Đức - 100ml/lọ	ml	100,0	
32	DD tiêu chuẩn Fe 1g/l	AR - Đức - 100ml/lọ	ml	100,0	
33	DD tiêu chuẩn Mn 1g/l	AR - Đức - 100ml/lọ	ml	100,0	
34	DD tiêu chuẩn Ni 1g/l	AR - Đức - 100ml/lọ	ml	100,0	
35	DD tiêu chuẩn Pb 1g/l	AR - Đức - 100ml/lọ	ml	100,0	
36	DD tiêu chuẩn Sb 1g/l	AR - Đức - 100ml/lọ	ml	100,0	
37	DD tiêu chuẩn Zn 1g/l	AR - Đức - 100ml/lọ	ml	100,0	
38	DD tiêu chuẩn Na 1g/l	AR - Đức - 100ml/lọ	ml	100,0	
39	DD tiêu chuẩn Sn 1g/l	AR - Đức - 100ml/lọ	ml	100,0	
40	DD tiêu chuẩn Bi 1g/l	AR - Đức - 100ml/lọ	ml	100,0	
41	DD tiêu chuẩn Au 1g/l	AR - Đức - 100ml/lọ	ml	100,0	
42	DD tiêu chuẩn Sr 1g/l	AR - Đức - 100ml/lọ	ml	100,0	
43	Natri nitrit (NaNO ₂)	AR - Trung Quốc	Kg	1,0	

STT	Mục lục	Quy cách KT	ĐVT	KH	Tiến độ cung cấp
44	Toluen	AR - Trung Quốc	Lít	7,5	
45	mẫu chuẩn CRM nguyên tố thiếc	Hàm lượng thiếc 50%	g	25,0	
46	mẫu chuẩn CRM nguyên tố bạc	Ag= 2000 g/tấn	g	25,0	
47	Bariclorua (BaCl ₂)	AR - Trung Quốc	Kg	0,5	
48	Natri Flo rua (NaF)	AR - Trung Quốc	Kg	0,5	
49	Khí Agon	AR - 99,999%	Chai	5,0	
50	Thiếc II clorua (SnCl ₂)	AR - Trung Quốc	Kg	0,5	
51	Chỉ thị Brilen xanh	AR - Trung Quốc	g	25,0	
52	Soda (Na ₂ CO ₃)	Trung Quốc	Kg	150,0	
Chi phí hóa chất phục vụ phân tích Thiếc + Đồng					
1	Axit clohydric (HCl)	AR - Việt Nam	Lít	70,0	
2	Natri peoxit (Na ₂ O ₂)	AR - Trung Quốc	Kg	2,5	
3	Kali iodua (KI)	AR - Trung Quốc	Kg	1,5	
4	NH ₄ SCN	AR - Trung Quốc	Kg	1,0	
5	Natri cacbonat (Na ₂ CO ₃)	AR - Trung Quốc	Kg	2,0	
6	Nhôm kim loại		Kg	4,0	
7	Coban clorua (CoCl ₂)	AR - Trung Quốc	Kg	0,1	
8	Niken clorua (NiCl ₂)	AR - Trung Quốc	Kg	0,1	
9	Ure ((NH ₂) ₂ CO)	AR - Trung Quốc	Kg	2,0	
10	Kaliclorat (KClO ₃)	AR - Trung Quốc	Kg	0,5	
11	Hồ tinh bột	AR - Trung Quốc	Kg	0,5	
II Dụng cụ					
1	Bình định mức màu nâu 50 ml	Trung Quốc	cái	10,0	
2	Cốc thủy tinh chịu nhiệt 100 ml	Trung Quốc	Cái	20,0	
3	Cốc thủy tinh chịu nhiệt 250 ml	Trung Quốc	Cái	40,0	
4	Cốc thủy tinh 1 lít	Trung Quốc	Cái	2,0	
5	Bình tam giác 250 ml	Trung Quốc	Cái	10,0	
6	Bình chiết 250 ml	Theo mẫu	Cái	10,0	
7	Bình tam giác 500 ml nút mài	Trung Quốc	Cái	10,0	
8	Thuyền sứ	Trung Quốc	Cái	400,0	
9	Chén sứ dung tích 50ml	Trung Quốc	Cái	20,0	
10	Bình tia nước cất 500 ml		Cái	10,0	
11	Chày cối sứ	Việt nam Φ 15 cm	Bộ	3,0	
12	Khay gỗ đựng cốc để cân mẫu	40x50 cm	Cái	1,0	
13	Dây curoa máy nghiền hàm	Ald 1836 mm	Cái	2,0	
14	Công tơ hút nhựa loại 2ml	Việt nam	Cái	50,0	
15	Tip nhựa loại 5ml			50,0	
16	Pipet tự động loại	Mettler toledo, 1-5ml		1,0	
17	Lõi lọc nước RO	Máy lọc nước Daikio	Cái	5,0	
18	Lõi lọc số 1		Cái	12,0	
19	Lõi lọc số 2	Máy lọc nước Daikio	Cái	2,0	
20	Lõi lọc số 3		Cái	2,0	
21	Dao tiện bề mặt máy tiện kềm thổi	Trung Quốc	Cái	1,0	
22	Sứ cách điện điện cực	Máy OES - Bruker Q8 magellan	Cái	2,0	
23	Chổi cọ điện cực		Cái	2,0	
24	Dầu chân không		Chai	1,0	
25	Bộ gioăng đệm điện cực		Cái	2,0	
26	Quả bóp cao su	Trung Quốc	Cái	10,0	
27	Gang tay y tế	Việt Nam	Hộp	1,0	
28	Giấy gói mẫu		Kg	30,0	
29	Dây mai so Φ 0,8 +1,1 mm		mét	10,0	
30	Chổi sơn quét mẫu		Cái	10,0	
31	Pin tiêu máy đo độ âm mùn cưa		Hộp	1,0	
32	Túi nilon bóng kính	Loại viên mép số 5	Kg	3,0	



12

STT	Mục lục	Quy cách KT	ĐVT	KH	Tiến độ cung cấp
33	Túi nilon bóng kính	Loại đựng 2 Kg	Kg	3,0	
34	Túi nilon có quai	Loại sách 10 Kg	Kg	4,0	
35	Túi nilon có quai	Loại sách 20 Kg	Kg	2,0	
36	Chổi lau nhà	Chổi màn	Cái	3,0	
37	Eteket kẽm thời 99,95 + 99,99%Zn		Tờ	1.400,0	
38	Sổ tổng hợp 200 trang		Quyển	20,0	
39	Sổ ghi kết quả phân tích		Quyển	36,0	
40	Sổ gia công mẫu		Quyển	5,0	
41	Sổ giao ca		Quyển	48,0	
42	Phiếu độ ẩm mùn cưa		Phiếu	1.000,0	
43	Phiếu trả kết quả phân tích		Phiếu	30.000,0	
44	Sổ nhật lệnh	Theo mẫu	Quyển	5,0	
45	Sổ giao ca thiết bị	Theo mẫu	Quyển	10,0	
46	Sổ giao việc từng ca	Theo mẫu	Quyển	10,0	
47	Chổi quét nhà	Chổi chít	Cái	6,0	
48	Chổi quét đường	Chổi tre	Cái	6,0	
49	Khăn lau sợi bông	Việt nam	Cái	10,0	
50	Bao đựng mẫu (Phục vụ bảo quản và niêm phong mẫu lưu hàng hóa)		Cái	6.000,0	
51	Bao tải đựng mẫu	50kg	Cái	100,0	
52	Chun nịt (loại to)		Túi	4,0	
53	Giấy lau cuvet và điện cực		Bịch	5,0	
54	Keo dán niêm phong mẫu	Việt nam	Lốc	25,0	
55	Giấy định tính		Tờ	550,0	
56	Giấy lọc băng xanh định tính	Trung Quốc Φ 11cm	Hộp	90,0	
57	Giấy lọc băng xanh định lượng	Trung Quốc Φ 11cm	Hộp	15,0	
58	Giấy PH từ 0,5-5	Trung Quốc	Tệp	5,0	
59	Giấy PH từ 0-14	Trung Quốc	Tệp	5,0	
B	NHÀ MÁY KẼM ĐIỆN PHÂN				
I	Hóa chất				
1	EDTA (C ₁₀ H ₁₄ N ₂ O ₈ Na ₂ .2H ₂ O)	AR - Trung Quốc	Kg	3,0	
2	Natriflorua (NaF)	AR - Trung Quốc	Kg	0,5	
3	Axit axetic (CH ₃ COOH)	AR - Việt Nam	Lít	3,0	
4	Chỉ thị xylenol da cam XO (C ₃₁ H ₂₈ N ₂ Na ₄ O ₁₃ S)	AR - Trung Quốc	g	10,0	
5	Amoni hydroxit (NH ₄ OH)	AR - Việt Nam	Lít	2,0	
6	Axit clohydric (HCl)	AR - Việt Nam	Lít	3,5	
7	Amoni axetat (CH ₃ COONH ₄)	AR - Việt Nam	Kg	5,0	
8	Giấy định tính	Trung Quốc	Tờ	150,0	
9	Ax ascobic (C ₆ H ₈ O ₆)	AR - Trung Quốc	g	200,0	
10	Canxi clorua (CaCl ₂)	AR - Việt Nam	Kg	1,0	
11	Natri hydroxit (NaOH)	AR - Việt Nam	Kg	1,0	
12	Axit photphoric (H ₃ PO ₄)	AR - Việt Nam	Lít	2,5	
13	Axit sunfuaric (H ₂ SO ₄)	AR - Việt Nam	Lít	2,5	
14	Hydropeoxit (H ₂ O ₂)	AR - Việt Nam	Lít	4,0	
15	Axit sunfosalisilic (C ₇ H ₆ O ₆ S.2H ₂ O)	AR - Trung Quốc	g	200,0	
16	Điphenylamin sulphonic axit sodium sat (C ₁₂ H ₁₀ NNaNO ₃ S)	AR - Trung Quốc	g	25,0	
II	Dụng cụ				
1	Cốc thủy tinh	loại 250ml	Cái	8,0	
2	Cốc thủy tinh	loại 100ml	Cái	8,0	
3	Bình tam giác	loại 250ml	Cái	5,0	
4	Ống hút	1ml - Đứcc	Cái	3,0	
5	Ống hút	2ml	Cái	2,0	

STT	Mục lục	Quy cách KT	ĐVT	KH	Tiền độ cung cấp
6	Nhiệt kế bách phân (màu đỏ)	0-100 độ C	Cái	5,0	
7	Giấy đo pH	0,5-5,0 (50tệp/hộp)	Hộp	75,0	
8	Giấy đo pH(1-14)			25,0	
9	Quả bóp	loại nhỏ	Quả	5,0	
10	Bình tia nước cất	500ml	Cái	3,0	
11	Cân đồng hồ 60Kg		Cái	1,0	
12	Dây mai so Φ 1,2 mm		mét	2,0	
C	PHẦN XƯƠNG LUYỆN KIM MÀU 2				
1	Bộ chia mẫu loại nhỏ		bộ	1,0	
2	Bộ chia mẫu loại to		bộ	1,0	
3	Dây may so bếp điện		mét	2,0	
4	Chổi quét sơn (loại to)		Cái	10,0	
5	Túi nylon lấy bảo quản mẫu (ép miết mép) loại số 5		Kg	6,0	
6	Vỏ bao giấy đựng mẫu (loại túi giấy trắng)		Cái	1.800,0	
7	Hồ dán		Lọ	60,0	
8	Bút dạ viết bảng dùng viết ghi chú đóng SP bột các loại(bút dạ dầu)		Cái	25,0	
9	Vở ghi sổ sản phẩm công nghệ (Loại 48 trang)		quyển	10,0	
10	Túi nilong trắng (loại đựng 0,5 Kg)		Kg	5,0	
11	Túi nilong đen (loại đựng 5 Kg)		Kg	5,0	
D	XN THIẾT ĐẠI TỬ				
1	Natri peoxit (Na ₂ O ₂)	AR - Trung Quốc	Kg	9,5	
2	Natri cacbonat (Na ₂ CO ₃)	AR - Trung Quốc	Kg	3,0	
3	Axit clohydric (HCl)	AR - Việt Nam	Lít	375,0	
4	Bột kẽm kim loại (Zn)		Kg	2,0	
5	Nhôm kim loại (Dạng phoi hoặc miếng)	Al = 99,99%	Kg	14,0	
6	Natri hydrocacbonat (NaHCO ₃)	AR - Trung Quốc	Kg	1,0	
7	Iot kim loại (I ₂)	AR - Trung Quốc	Kg	0,3	
8	Kali iodua (KI)	AR - Trung Quốc	Kg	2,0	
9	Kali clorat (KClO ₃)	AR - Trung Quốc	Kg	0,5	
10	Axit Nitric (HNO ₃)	AR - Việt Nam	Lít	7,5	
11	Axit Brommic (HBr)	AR - Trung Quốc	Lít	2,5	
12	Ure ((NH ₂) ₂ CO)	AR - Trung Quốc	Kg	2,0	
13	Axit axetic (CH ₃ COOH)	AR - Việt Nam	Lít	2,0	
14	Amoni axetat (CH ₃ COONH ₄)	AR - Việt Nam	Kg	2,5	
15	Amoni florua (NH ₄ F)	AR - Trung Quốc	Kg	5,0	
16	Natrithiosunfat (Na ₂ S ₂ O ₃ .5H ₂ O)	AR - Trung Quốc	Kg	1,0	
17	Kali thioxianat (KSCN)	AR - Trung Quốc	Kg	1,0	
18	Dung dịch đồng tiêu chuẩn 1 g/L	AR - Đức	ml	100,0	
19	DDTC (dietyldithiocacbammat)	AR - Trung Quốc	g	50,0	
20	Amoni hydroxit (NH ₄ OH)	AR - Trung Quốc	Lít	15,0	
21	Axit citric (C ₆ H ₈ O ₆)	AR - Trung Quốc	Kg	4,5	
22	Axit Floric (HF)	AR - Trung Quốc	Lít	1,0	
23	Axit Sunfuric (H ₂ SO ₄)	AR - Việt Nam	Lít	4,0	
24	Bông y tế (lọc mẫu)	Việt Nam	Kg	1,0	
25	C ₂ H ₅ OH	AR - Việt Nam	Lít	0,5	
26	Thiếc tiêu chuẩn HL Sn 50%	AR - Trung Quốc	g	50,0	
27	Cốc chịu nhiệt 250ml	Trung Quốc	Cái	30,0	
28	Cốc chịu nhiệt 500ml	Trung Quốc	Cái	20,0	
29	Bình tam giác nút mài 500	Trung Quốc	Cái	20,0	

000
 TỶ
 HÂN
 NI MÃ
 QUYỀN
 GO
 (T.W)



STT	Mục lục	Quy cách KT	ĐVT	KH	Tiến độ cung cấp
30	Cốc chịu nhiệt 100ml		Cái	20,0	
31	Bình định mức thủy tinh 100ml		Cái	20,0	
32	Pipet 5ml		Cái	2,0	
33	Pipet 10ml		Cái	2,0	
34	Ống hút 2ml		Cái	5,0	
35	Ống hút 5ml		Cái	5,0	
36	Ống hút 10ml		Cái	5,0	
37	Ống hút 25ml		Cái	2,0	
38	Nắp kính thủy tinh Ø8		Cái	20,0	
39	Chén sắt		Cái	200,0	
40	Phễu thủy tinh F8		Cái	10,0	
41	Đũa thủy tinh		Cái	10,0	
42	Giấy gói mẫu		kg	5,0	
43	Quả bóp		Cái	5,0	
44	Bình tia nước cất 500ml		Cái	5,0	
45	Lọ đựng chỉ thị		Cái	4,0	
46	Bình thủy tinh 1 lít		Cái	5,0	
47	Bình thủy tinh 2 lít		Cái	2,0	
48	Bình thủy tinh 5 lít		Cái	2,0	
49	Giá đỡ buret		Cái	2,0	
50	Giá để ống hút		Cái	2,0	
51	Bình định mức 2 Lít		Cái	2,0	
52	Túi bóng kính loại 2kg		kg	1,0	
53	Chậu nhựa 20L		Cái	1,0	
54	Ống đong 50ml		Cái	5,0	
55	Buret 50ml		Cái	2,0	
56	Buret 100ml		Cái	1,0	

